

Họ và tên thí sinh : ..... Số báo danh : .....

**Câu 1:** Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có đặc điểm là:

- A. Vận tốc lớn, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- B. Vận tốc nhỏ, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- C. Vận tốc lớn, không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- D. Vận tốc nhỏ, không được điều chỉnh.

**Câu 2:** Quá trình hô hấp sáng diễn ra ở

- A. Thực vật C3.
- B. Thực vật C4.
- C. Thực vật C3 và thực vật CAM.
- D. Thực vật C4 và thực vật CAM.

**Câu 3:** Ở cà chua có bộ nhiễm sắc thể  $2n = 24$ . số lượng nhiễm sắc thể có trong một tế bào của thể ba thuộc loài này là

- A. 25
- B. 22
- C. 36.
- D. 23

**Câu 4:** Ở người, hội chứng bệnh nào sau đây chỉ xuất hiện ở nữ giới?

- A. Hội chứng Tocno.
- B. Hội chứng AIDS.
- C. Hội chứng Đào.
- D. Hội chứng Claiphentơ.

**Câu 5:** Trong chu kì hoạt động của tim người bình thường, ngăn nào sau đây của tim trực tiếp nhận máu giàu  $CO_2$  từ tĩnh mạch chủ?

- A. Tâm thất phải
- B. Tâm thất phải
- C. Tâm nhĩ trái.
- D. Tâm nhĩ phải.

**Câu 6:** Men Đen phát hiện ra quy luật di truyền phân li độc lập khi nghiên cứu đối tượng nào sau đây?

- A. Ruồi giấm.
- B. Cà chua.
- C. Đậu Hà Lan.
- D. Hoa loa kèn.

**Câu 7:** Đột biến thay thế cặp nuclêôtit này bằng cặp nuclêôtit khác nhưng trình tự axit amin lại vẫn không bị thay đổi. Nguyên nhân là do

- A. Mã di truyền có tính đặc hiệu.
- B. Mã di truyền có tính phổ biến.
- C. Mã di truyền có tính thoái hóa.
- D. Mã di truyền là mã bộ ba.

**Câu 8:** Cho biết các công đoạn được tiến hành trong chọn giống như sau:

- I) Chọn lọc các tổ hợp gen mong muốn.
- II) Tạo dòng thuần chủng có kiểu gen khác nhau.
- III) Lai các dòng thuần chủng với nhau.

Quy trình tạo giống lai có ưu thế lai cao được thực hiện theo trình tự:

- A. II  $\rightarrow$  III  $\rightarrow$  I.
- B. I  $\rightarrow$  II  $\rightarrow$  III.
- C. II  $\rightarrow$  I  $\rightarrow$  III.
- D. III  $\rightarrow$  I  $\rightarrow$  II.

**Câu 9:** Trong cơ chế điều hòa điều hòa hoạt động gen ở vi khuẩn Ecoli, prôtêin ức chế ngăn cản quá trình phiên mã bằng cách

- A. Gắn vào vùng vận hành.
- B. Liên kết với enzym ARN polymeraza.
- C. Gắn vào vùng khởi động.
- D. Liên kết với chất cảm ứng.

**Câu 10:** Ung thư là một loại bệnh được đặc trưng bởi sự tăng sinh không kiểm soát được của một số loại tế bào cơ thể dẫn đến hình thành các khối u chèn ép các cơ quan trong cơ thể. Khối u được gọi là ác tính khi các tế bào của nó có khả năng tách khỏi mô ban đầu, di chuyển vào máu và đến các nơi khác trong cơ thể tạo nên nhiều khối u khác nhau. Nhận định nào sau đây **không** đúng?

- A. Bảo vệ môi trường, sống lành mạnh sẽ hạn chế được nguy cơ mắc bệnh ung thư.
- B. Ung thư là một bệnh không di truyền.
- C. Là bệnh nan y chưa có thuốc đặc trị.
- D. Ung thư có thể bắt đầu từ một tế bào bị đột biến xôma.

**Câu 11:** Khi nói về tiêu hóa ở động vật nhai lại, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Động vật nhai lại có dạ dày 4 ngăn.
- B. Dạ múi khế tiết ra enzyme pepsin và HCl để tiêu hóa protein.
- C. Dạ tổ ong được coi là dạ dày chính thức của nhóm động vật này.
- D. Xenlulôzơ trong dạ cỏ được biến đổi nhờ hệ vi sinh vật cộng sinh ở dạ cỏ.

**Câu 12:** Các bộ ba trên mARN có vai trò quy định tín hiệu kết thúc quá trình dịch mã là:

- A. 3'UAG5'; 3'UAA5'; 3'AGU5'.
- B. 5'UAA3'; 5'UAG3'; 5'UGA3'.
- C. 5'UAA3'; 5'UAG3'; 3'UGA5'.
- D. 3'GAU5'; 3'AU5'; 3'AGU5'.

**Câu 13:** Thành tựu nào sau đây là của công nghệ gen?

- A. Tạo giống lợn có ưu thế lai cao.
- B. Tạo giống cừu sản xuất protein người.
- C. Tạo cừu Đôlli.
- D. Tạo giống dâu tằm có lá to.

**Câu 14:** Loài động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn kép?

- A. Tê giác.
- B. Trai.
- C. Cá ngừ.
- D. Ốc sên.

**Câu 15:** Dạng đột biến nhiễm sắc thể nào làm tăng hoặc giảm cường độ biểu hiện tính trạng ?

- A. Chuyển đoạn.
- B. Mất đoạn.
- C. Đảo đoạn.
- D. Lặp đoạn.

**Câu 16:** Cơ thể có kiểu gen AaBBdd giảm phân bình thường sẽ sinh ra giao tử ABD chiếm tỉ lệ

- A. 75%.
- B. 25%.
- C. 50%.
- D. 12,5%.

**Câu 17:** Bằng công nghệ tế bào thực vật, người ta có thể nuôi cấy các mẫu mô của một cơ thể thực vật rồi sau đó cho chúng tái sinh thành các cây con. Bằng kỹ thuật chia cắt một phôi động vật thành nhiều phôi rồi cấy các phôi này vào tử cung của các con vật khác nhau cũng có thể tạo ra nhiều cá thể mới. Có bao nhiêu nhận xét sau đây đúng khi nói về điểm giống nhau của hai kỹ thuật này?

- (1). Cả hai phương pháp đều thao tác trên vật liệu di truyền là NST.
- (2). Cả hai phương pháp đều tạo ra các cá thể có kiểu gen thuần chủng.
- (3). Cả hai phương pháp đều tạo ra các cá thể có kiểu gen giống nhau.
- (4). Các cá thể tạo ra từ hai phương pháp đều rất đa dạng về kiểu gen và kiểu hình.
- (5). Cả hai phương pháp đều có hệ số nhân giống cao

- A. 1.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

**Câu 18:** Một quần thể ngẫu phối có thành phần kiểu gen là 0,2Aa : 0,8aa. Theo lý thuyết, tần số alen a của quần thể này là

- A. 0,9.
- B. 0,4.
- C. 0,3.
- D. 0,5.

**Câu 19:** Vi khuẩn Rhizobium có khả năng cố định đạm vì chúng có enzym

- A. Cacboxilaza.
- B. Amilaza.
- C. Nucleaza.
- D. Nitrogenaza.

**Câu 20:** Đơn phân cấu tạo nên phân tử Protein là

- A. Nucleotit
- B. Glucozơ
- C. Axit amin
- D. Axit béo

**Câu 21:** Giả sử một loài ruồi có bộ nhiễm sắc thể  $2n = 16$ . Trên mỗi cặp nhiễm sắc thể thường xét hai cặp gen dị hợp, trên cặp nhiễm sắc giới tính xét một gen có hai alen nằm ở vùng không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X. Nếu không xảy ra đột biến thì khi các ruồi đực (XY) có kiểu gen khác nhau về các gen đang xét giảm phân có thể tạo ra tối đa bao nhiêu loại tinh trùng?

- A. 65536
- B. 49152
- C. 4096
- D. 384

**Câu 22:** Điều kiện cơ bản đảm bảo cho sự di truyền độc lập các cặp tính trạng là

- A. Gen trội phải lấn át hoàn toàn gen lặn.
- B. Số lượng cá thể nghiên cứu phải lớn
- C. Các cặp gen nằm trên các cặp NST khác nhau.
- D. Các gen không hoà lẫn vào nhau

**Câu 23:** Người ta cho các hạt thuần chủng chiều xạ để gây đột biến gen rồi đem gieo. Các cây thu được đều có quả vàng, trừ một vài cây có quả trắng. Lấy hạt phân trong bao phần của cây có quả trắng đặt trên núm nhụy của cây có quả vàng (thế hệ P). Các hạt thu được đem gieo và cho kết quả (thế hệ F<sub>1</sub>) gồm 50% cây có quả vàng : 50% cây có quả trắng. Nếu tiếp tục cho cây quả trắng ở F<sub>1</sub> cho tự thụ phấn, ở đời F<sub>2</sub> thu được tỉ lệ phân li kiểu hình 25% quả vàng : 75% quả trắng. Khi quan sát kỹ F<sub>1</sub>, người ta nhận thấy: trong số cây quả vàng có 49% cây thân to và 1% cây thân nhỏ; trong số các cây quả trắng có 26% cây

thân to và 24% cây thân nhỏ. Biết rằng mỗi tính trạng đều do một gen có 2 alen quy định và không xuất hiện đột biến mới. Trong số các nhận xét sau, có bao nhiêu nhận xét đúng.

I. Quá trình chiếu xạ đã gây nên đột biến gen lặn.

II. Trong số các cây ở F<sub>2</sub>, cây thuần chủng về tính trạng màu quả chiếm 50%.

III. Gen quy định hai tính trạng trên nằm trên 2 cặp nhiễm sắc thể khác nhau.

IV. Nếu cho cây quả trắng, thân to ở F<sub>1</sub> giao phấn ngẫu nhiên thì ở xác suất xuất hiện cây quả vàng, thân nhỏ ở đời con nhỏ hơn 1%.

A. 4.

B. 2.

C. 1.

D. 3.

**Câu 24:** Virus gây viêm phổi Vũ Hán (viết tắt SARS-CoV-2) là một chủng **coronavirus** gây ra **bệnh viêm đường hô hấp cấp** xuất hiện lần đầu tiên ở thành phố **Vũ Hán** (Trung Quốc) và bắt đầu lây lan nhanh chóng sau đó. Có một số thông tin di truyền về chủng virus này như sau:

- Các nhà khoa học đã nhận thấy chúng có tổng số 29903 nucleotide, trong đó số nucleotide từng loại A, U, G, X có số lượng lần lượt là 9594, 8954, 5492, 5863.

- Một mARN quan trọng mã hóa cho vỏ protein của virus có bộ ba mở đầu từ vị trí nucleotide thứ 29558 và kết thúc ở vị trí nucleotide thứ 29674.

Từ những thông tin trên, một học sinh đưa ra một số phát biểu. Có bao nhiêu phát biểu đúng?

I. Phần trăm mỗi loại nucleotide (A, U, G, X) của virus này lần lượt là 32,08%; 29,94%; 18,37%; 19,61%.

II. Vật chất di truyền của virus SARS-CoV-2 là một phân tử ARN mạch đơn.

III. Đoạn mARN trên có chứa 116 nucleotide.

IV. Phân tử protein cấu trúc do đoạn mARN trên mã hóa có tối đa 39 axit amin.

A. 1.

B. 4.

C. 2.

D. 3.

**Câu 25:** Ở một loài thực vật, khi trong kiểu gen có cả gen A và gen B thì hoa có màu đỏ. Nếu trong kiểu gen chỉ có A hoặc chỉ có B thì hoa có màu vàng. Nếu không có gen A và B thì hoa có màu trắng. Hai cặp gen Aa và Bb nằm trên 2 cặp NST khác nhau. Có bao nhiêu kiểu gen sau đây quy định kiểu hình hoa đỏ?

I. AABB.

II. AAbb.

III. AaBb.

IV. AABb.

V. aaBB.

VI. Aabb.

VII. AaBB.

VIII. Aabb.

A. 4.

B. 6.

C. 5.

D. 3.

**Câu 26:** Một phân tử mARN chỉ chứa 3 loại ribonucleotit là adenin, uraxin, xitozin. Trên mạch bổ sung của gen đã phiên mã ra phân tử mARN nói trên, có thể có các bộ ba nào sau đây

A. TAG, GAA, ATA, ATG.

B. AAA, XXA, TAA, TXX.

C. AAG, GTT, TXX, XAA.

D. ATX, TAG, GXA, GAA.

**Câu 27:** Cho các dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể sau:

(1) Mất đoạn.

(2) Đảo đoạn.

(3) Chuyển đoạn tương hỗ.

(4) Lặp đoạn.

(5) Chuyển đoạn trên một nhiễm sắc thể.

(6) Chuyển đoạn không tương hỗ.

Số dạng đột biến có thể làm thay đổi thành phần gen của nhóm gen liên kết trên nhiễm sắc thể là:

A. 2.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

**Câu 28:** Dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể góp phần hình thành loài mới là

A. Mất đoạn và chuyển đoạn.

B. Mất đoạn và lặp đoạn.

C. Lặp đoạn và chuyển đoạn.

D. Đảo đoạn và chuyển đoạn.

**Câu 29:** Ở một loài thực vật, tính trạng màu hoa do gen nằm trong lục lạp quy định. Lấy hạt phấn của cây hoa đỏ thụ phấn cho cây hoa trắng, thu được F<sub>1</sub>. Cho F<sub>1</sub> tự thụ phấn, thu được F<sub>2</sub>. Theo lý thuyết, tỉ lệ kiểu hình ở F<sub>2</sub> là:

A. 75% hoa đỏ : 25% hoa trắng.

B. 100% hoa đỏ.

C. 50% hoa đỏ : 50% hoa trắng.

D. 100% hoa trắng.

**Câu 30:** Phép lai về 3 cặp tính trạng trội, lặn hoàn toàn giữa 2 cá thể AaBbDd x AabbDd sẽ cho thế hệ sau

A. 8 kiểu hình: 18 kiểu gen.

B. 8 kiểu hình: 27 kiểu gen.

C. 4 kiểu hình: 9 kiểu gen.

D. 8 kiểu hình: 12 kiểu gen.

**Câu 31:** Phép lai  $P: \frac{Ab}{aB} \times \frac{ab}{ab}$ , thu được  $F_1$ . Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn, không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen với tần số 40%. Theo lý thuyết,  $F_1$  có số cá thể mang kiểu hình trội về cả hai tính trạng chiếm tỉ lệ

- A. 20%                      B. 10%                      C. 40%                      D. 30%

**Câu 32:** Ở mèo A: lông đen trội không hoàn toàn so với a lông hung, tính trạng trung gian là lông tam thể, gen nằm trên X không alen trên Y. Cho mèo cái lông tam thể giao phối với mèo đực lông đen, tỉ lệ kiểu hình thu được ở đời con  $F_1$  là

- A. 1 cái lông tam thể: 1 cái lông đen: 1 đực lông đen: 1 đực lông hung.  
B. 1 cái lông tam thể: 1 cái lông đen: 1 đực lông đen: 1 đực lông tam thể.  
C. 1 cái lông tam thể: 1 cái lông hung: 1 đực lông đen: 1 đực lông hung.  
D. 1 cái lông hung: 1 cái lông đen: 1 đực lông đen: 1 đực lông hung.

**Câu 33:** Ở một loài cá, tiến hành một phép lai giữa cá vảy đỏ, to thuần chủng với cá vảy trắng, nhỏ được  $F_1$  đồng loạt có kiểu hình vảy đỏ, to. Cho con cái  $F_1$  lai phân tích thu được  $F_2$  như sau:

Ở giới đực: 121 vảy trắng, nhỏ: 118 vảy trắng, to: 42 vảy đỏ, nhỏ: 39 vảy đỏ, to;

Ở giới cái: 243 vảy trắng, nhỏ: 82 vảy đỏ, nhỏ.

Biết ở loài này con cái là XY, con đực là XX. Nếu chỉ chọn những con cá vảy trắng, nhỏ ở  $F_2$  đem tạp giao thì tỉ lệ cá cái có kiểu hình vảy trắng, nhỏ **không** chứa các alen trội là bao nhiêu?

- A. 1/12                      B. 1/9                      C. 1/18                      D. 1/6

**Câu 34:** Ở một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen b quy định quả dài. Cho cây thân cao, quả tròn giao phấn với cây thân cao, quả dài (P), thu được  $F_1$  gồm 4 loại kiểu hình trong đó số cây thân cao, quả tròn chiếm tỉ lệ 40%. Biết rằng không xảy ra đột biến, theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng?

1. Ở  $F_1$  số cây thân cao, quả dài chiếm tỉ lệ 4%.
2. Khoảng cách giữa 2 gen A và B là 40 cM.
3. Ở  $F_1$ , trong tổng số cây thân cao, quả dài cây có kiểu gen đồng hợp chiếm tỉ lệ 50%.
4. Ở đời  $F_1$ , có 3 kiểu gen quy định kiểu hình thân cao, quả tròn.

- A. 2.                      B. 1.                      C. 3.                      D. 4.

**Câu 35:** Ở một loài thực vật, tính trạng khối lượng quả do 2 cặp gen nằm trên 2 cặp NST tương đồng khác nhau cùng quy định và tương tác theo kiểu cộng gộp. Sự có mặt của mỗi alen trội làm cho quả nặng thêm 10 gam. Quả có khối lượng nhẹ nhất là 80g. Lai cây có quả nặng nhất với cây có quả nhẹ nhất rồi cho  $F_1$  tự thụ phấn. Theo lý thuyết, cây có quả nặng 90g chiếm tỉ lệ bao nhiêu ở  $F_2$ ?

- A. 50%                      B. 25%                      C. 18,75%                      D. 6,25%

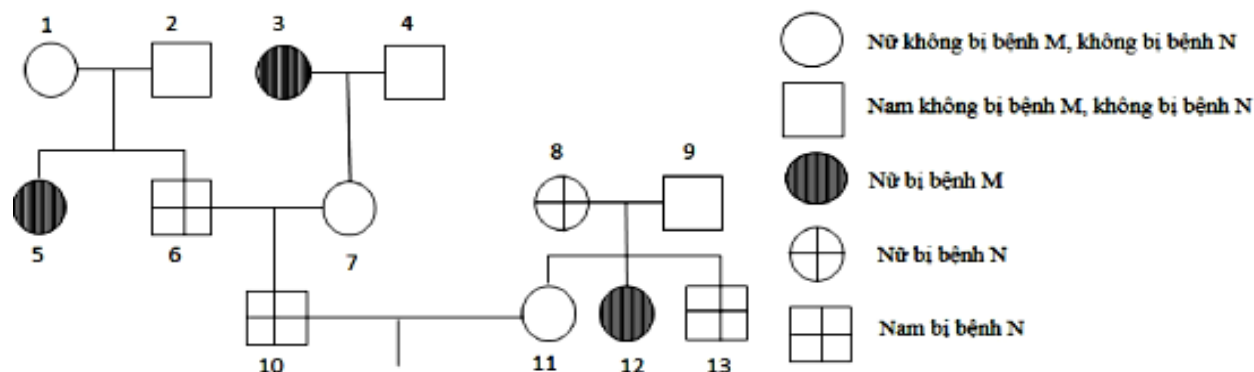
**Câu 36:** Một quần thể có tần số kiểu gen ban đầu: 0,4AA : 0,1aa : 0,5Aa. Biết rằng các cá thể dị hợp tử chỉ có khả năng sinh sản bằng một nửa so với khả năng sinh sản của các cá thể đồng hợp tử. Các cá thể có kiểu gen AA và aa có khả năng sinh sản như nhau. Sau một thế hệ tự thụ phấn thì tần số cá thể có kiểu gen dị hợp tử sẽ là:

- A. 25,33%.                      B. 12,25%.                      C. 15,20%.                      D. 16,67%.

**Câu 37:** Ở một loài thú, màu lông do một gen có 5 alen nằm trên NST thường quy định, alen  $A_1$  quy định lông đen trội hoàn toàn so với alen  $A_2, A_3, A_4, A_5$ ; alen  $A_2$  quy định lông nâu trội hoàn toàn so với alen  $A_3, A_4, A_5$ ; alen  $A_3$  quy định lông xám trội hoàn toàn so với alen  $A_4, A_5$ ; alen  $A_4$  quy định lông hung trội hoàn toàn so với alen  $A_5$  quy định lông trắng. Biết rằng quần thể đang cân bằng di truyền, các alen có tần số bằng nhau. Theo lý thuyết, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Cho tất cả các cá thể lông đen giao phối với nhau thì ở đời con, kiểu hình lông đen chiếm tỉ lệ 20/27.  
B. Trong quần thể, số cá thể lông đen chiếm tỉ lệ 36%.  
C. Cho tất cả các con lông xám giao phối với tất cả các con lông nâu thì ở đời con, kiểu hình lông trắng chiếm tỉ lệ 1/36.  
D. Giả sử chỉ có các cá thể có cùng màu lông mới giao phối với nhau thì ở  $F_1$ , số cá thể lông hung chiếm 11/105.

**Câu 38:** Phả hệ ở hình bên mô tả sự biểu hiện 2 bệnh ở 1 dòng họ. Biết rằng: alen H quy định bị bệnh N trội hoàn toàn so với alen h quy định không bị bệnh N; kiểu gen Hh quy định bị bệnh N ở nam, không bị bệnh N ở nữ; bệnh M do 1 trong 2 alen của 1 gen quy định; 2 cặp gen này nằm trên 2 cặp NST thường và mẹ của người số 3 bị bệnh N. Cho các phát biểu sau về phả hệ này:



- I. Bệnh M do alen lặn quy định.
  - II. Có tối đa 7 người chưa xác định được chính xác kiểu gen.
  - III. Có tối đa 5 người dị hợp 2 cặp gen.
  - IV. Xác suất sinh con gái đầu lòng không bị bệnh M, không bị bệnh N đồng hợp 2 cặp gen của cặp 10-11 là 7/150.
- Theo lí thuyết, trong các phát biểu trên, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- A. 3
- B. 1
- C. 2
- D. 4

**Câu 39:** Một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp. Cơ thể tứ bội giảm phân chỉ sinh ra giao tử lưỡng bội, các giao tử lưỡng bội có khả năng thụ tinh bình thường. Thực hiện phép lai P: AAaa x aaaa thu được F1. Tiếp tục cho F1 lai phân tích thu được Fa. Theo lí thuyết, Fa có tỉ lệ kiểu hình:

- A. 17 cây thân cao: 19 cây thân thấp
- B. 2 cây thân cao : 1 cây thân thấp
- C. 8 cây thân cao : 1 cây thân thấp
- D. 43 cây thân cao : 37 cây thân thấp

**Câu 40:** Ba tế bào sinh tinh đều có kiểu gen AaBbDD giảm phân bình thường. Theo lí thuyết, số loại giao tử tối đa được tạo ra từ quá trình giảm phân của ba tế bào trên là

- A. 6.
- B. 8.
- C. 4.
- D. 2.

----- HẾT -----

**SỞ GD&ĐT BẮC NINH**  
**TRƯỜNG THPT HÀN THUYÊN**  
*(Đáp án gồm 01 trang)*

**ĐÁP ÁN**  
**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022-LẦN 1**  
**NĂM HỌC 2021-2022**  
**MÔN: SINH - KHỐI 12**

mamon	Câu	132	209	357	485	570	628	743	896
SINH	1	A	C	D	D	A	C	C	B
SINH	2	A	C	D	C	C	B	A	B
SINH	3	A	D	A	B	B	C	B	C
SINH	4	A	D	D	A	C	C	D	B
SINH	5	D	D	B	D	B	B	B	C
SINH	6	C	D	B	B	D	D	D	B
SINH	7	C	A	C	D	D	D	A	B
SINH	8	A	C	A	A	B	A	A	A
SINH	9	A	B	A	D	A	B	B	B
SINH	10	B	A	B	A	D	C	A	B
SINH	11	C	A	B	A	A	A	B	D
SINH	12	B	B	D	C	C	A	D	B
SINH	13	B	D	A	A	A	C	C	C
SINH	14	A	A	C	C	B	C	C	D
SINH	15	D	B	C	B	C	C	D	A
SINH	16	B	D	C	C	A	A	A	D
SINH	17	D	A	C	D	A	A	A	A
SINH	18	A	B	A	D	C	B	A	D
SINH	19	D	A	A	C	B	A	D	D
SINH	20	C	D	D	A	A	D	C	C
SINH	21	B	C	D	B	D	B	A	A
SINH	22	C	B	A	A	C	D	A	A
SINH	23	C	A	B	B	A	D	B	C
SINH	24	C	D	A	A	D	D	C	A
SINH	25	A	A	B	B	D	D	B	B
SINH	26	B	A	D	C	A	B	C	A
SINH	27	D	C	D	D	C	B	B	C
SINH	28	D	C	C	A	C	A	C	D
SINH	29	D	A	A	D	A	A	A	B
SINH	30	A	A	A	A	B	C	B	A
SINH	31	A	D	B	B	D	C	D	D
SINH	32	A	C	D	D	A	C	C	B
SINH	33	A	A	D	C	A	B	C	A
SINH	34	A	B	A	D	C	C	A	C
SINH	35	B	A	B	C	C	B	D	D
SINH	36	D	B	C	D	D	D	A	C
SINH	37	B	C	A	C	A	A	B	A
SINH	38	A	A	C	C	B	B	D	B
SINH	39	A	B	B	B	B	A	D	B
SINH	40	C	A	B	C	A	B	B	B